

**BỔ SUNG LOÀI *CRATEVA FORMOSENSIS* (JACOBS) B. S. SUN
(HỌ MÀN MÀN - CAPPARACEAE JUSS.) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM**

SỸ DANH THƯỜNG

Trường đại học Sư phạm Thái Nguyên

TRẦN THẾ BÁCH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Trên thế giới, chi Bún - *Crateva* L. thuộc họ Màn màn - *Capparaceae* có 8 loài, phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới [5]. Ở Việt Nam, chi này hiện biết có 5 loài, phân bố khắp cả nước [1, 2]. Loài *Crateva formosensis* (Jacobs) B. S. Sun được biết có phân bố ở Trung Quốc (Quảng Đông, Quảng Tây, Đài Loan), Nhật Bản nhưng chưa từng được ghi nhận có ở Việt Nam [3-6]. Jacobs (1964) [3] trong “*Blumea*” đặt loài này dưới dạng phân loài với tên gọi là *C. adansonii* DC. subsp. *formosensis* Jacobs. Nhưng phân loài này khác rất rõ với loài gốc bởi đặc điểm về kích thước lá, chóp lá và số lượng nhị. Vì vậy B. S. Sun trong “*Flora Reipublicae popularis sinicae*” [6] nâng bậc phân loài này thành loài với tên chính thức là *Crateva formosensis* (Jacobs) B. S. Sun. Trong quá trình nghiên cứu mẫu vật các loài thuộc chi Bún tại phòng tiêu bản Thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), chúng tôi đã

phát hiện loài *Crateva formosensis* (Jacobs) B. S. Sun, bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng: là các loài thuộc chi Bún - *Crateva* L. ở Việt Nam thông qua các mẫu vật được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật.

Phương pháp: chúng tôi đã áp dụng phương pháp so sánh hình thái trong nghiên cứu này.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Sau khi nghiên cứu đặc điểm hình thái của các loài thuộc chi *Crateva* L. ở Việt Nam, chúng tôi xây dựng khóa định loại các loài thuộc chi này và mô tả loài được bổ sung, *C. formosensis* (Jacobs) B. S. Sun cho hệ thực vật Việt Nam.

Khóa định loại các loài thuộc chi *Crateva* đã biết ở Việt Nam

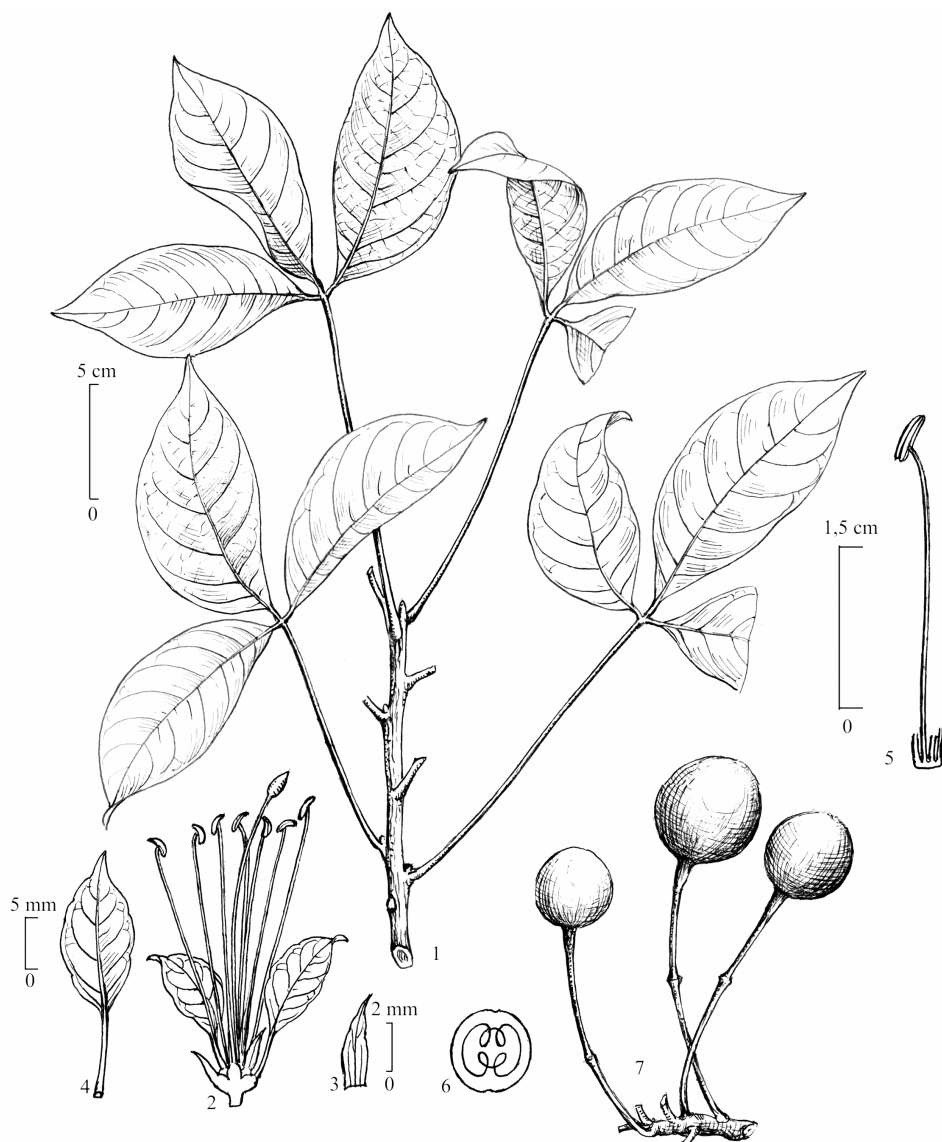
- 1a. Quả khi chín hoặc khô có màu đỏ, màu tía hoặc nâu; nhẵn. Cây thường ra hoa trước khi ra lá hay cùng lúc ra lá non.
- 2a. Lá chết trên cành mang hoa có kích thước 4,5-8,5 × 2,5-5,5 cm, trên cành sinh dưỡng có kích thước 10-10,5 (4,5-5,75 cm; chóp lá tù hoặc tròn, hiếm khi nhọn; lá khi khô có màu nâu đỏ. Nhị 15-26.....*Crateva trifoliata*
- 2b. Lá chết trên cành mang hoa có kích thước 10-11,5 (4-5 cm, trên cành sinh dưỡng có kích thước 13-15 (6 cm; chóp lá nhọn hoặc thuôn dài; lá khi khô có màu xanh xám hoặc xanh nâu. Nhị 10-15.....*Crateva formosensis*
- 1b. Quả khi chín hoặc khô có màu xám, bề mặt quả không nhẵn. Cây thường ra hoa sau khi ra lá.
- 3a. Lá chết rất mỏng, thường không có cuống hoặc gần không cuống, hiếm khi có cuống dài 3-5(7) mm, 2 mặt lá cùng màu. Nhánh khi khô có màu vàng rom. Quả dài từ 1,8-2,6 cm.....*Crateva religiosa*

- 3b. Lá chét dai, cuống lá chét tối thiểu dài 3 mm, 2 mặt lá không cùng màu. Nhánh khi khô có màu nâu. Quả dài từ 2,5-5 cm.
- 4a. Quả hình bầu dục, hình trứng hoặc hình trứng ngược. Bề mặt quả có lớp vảy màu trắng, dễ bong. Gân bên có (7)10-15(22) đôi. Mặt lưng của hạt có mào.....*Crateva magna*
- 4b. Quả hình cầu. Bề mặt quả khi chín nổi nhiều mụn cóc. Gân bên 5-10 cặp. Mặt lưng của hạt không có mào.....*Crateva unilocularis*

Sau đây là phần mô tả loài được bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam.

***Crateva formosensis* (Jacobs) B. S. Sun - Bún Đài Loan**

B. S. Sun in Wu. 1999. Fl. Reipubl. Pop. Sin. 32: 489. *Crateva adansonii* DC. subsp. *formosensis* Jacobs, 1964. Blumea. 12(2): 200; Liu & Liao, 1996. Fl. Taiwan. 2: 743.



***Crateva formosensis* (Jacobs) B. S. Sun**

1. cành mang lá; 2. hoa bổ dọc; 3. lá đài; 4. cánh hoa; 5. nhị; 6. bầu cắt ngang; 7. cành mang quả
(vẽ từ mẫu VN 478, HN, người vẽ: Lê Kim Chi)

Cây bụi hoặc cây gỗ cao 2-21m, cành có lỗ vỏ, có hoa trước khi ra lá hay khi lá còn non. Lá kép chân vịt mang 3 lá chét, lá chét hình bầu dục hay trứng ngược, cỡ 10-11,5 × 4-5 cm, khi khô có màu xanh xám hoặc xanh nâu; trên cành sinh dưỡng kích thước lá 13-15 x 6 cm; chóp lá nhọn hoặc thuôn dài; gốc lá nhọn; gân bên 4-6(7) đôi, màu đỏ nâu; cuống lá kép dài 5,2-13 cm, màu nâu hoặc đen khi khô; cuống lá chét dài 4-5 mm. Cụm hoa mang 10-15 hoa, cuống hoa dài 2,5-4 cm. Lá đài 4, hình thuôn, nhọn dần về phía đỉnh, dài 3-4 mm, khi khô có màu nâu đậm. Cánh hoa màu vàng, khi khô màu nâu nhạt; phần “cuống” cánh hoa dài cỡ 4 mm; phần phiến hình bầu dục, dài 1,5-1,7 cm. Nhị 10-15; chỉ nhị dài 2,5-3 cm; bao phấn dài cỡ 3 mm. Cuống bầu dài 2,4-3,2 cm. Bầu hình trứng, giá noãn 2. Quả hình tròn hoặc hình bầu dục, màu đỏ hoặc đỏ nâu, bề mặt quả nhẵn, dài (2)3-4,5 cm. Hạt nhỏ, màu nâu, mặt lưng của hạt không có mào.

Loc. class.: Formosa.

Holotypus: E. H. Wilson 11114 (K).

Sinh học và sinh thái: mùa hoa vào các tháng 6-7, mùa quả vào các tháng 8-1 (năm sau). Mọc ở thung lũng, ven khe suối, rừng dày,

ven biển ở độ cao đến 400 m.

Phân bố: Cao Bằng (Trà Lĩnh). Còn có ở Trung Quốc (Quảng Đông, Quảng Tây, Đài Loan), Nam Nhật Bản.

Mẫu nghiên cứu: Cao Bằng, W17463, VN 478 (HN).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiến Bàn, Dorofeev V. I.**, 2003: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, 2: 420-421. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999: Cây cỏ Việt Nam, 1: 597-598. Nxb. Mekong, Montreal.
3. **Jacobs M.**, 1964: Blumea, 12(2): 175-208. Holland.
4. **Liu Tang-Shui & Liao Jih-Ching**, 1996: Flora of Taiwan, 2(2): 738-743. Taipei, Taiwan.
5. **Zhang Mingli, Gordon C. Tucker**, 2008: Flora of China, 7: 433-450. Missouri Botanical Garden Press.
6. **Wu. C.**, 1999: Flora Reipublicae popularis sinicae, 32: 485-490. Science Press.

CRATEVA FORMOSENSIS (JACOBS) B. S. SUN, (CAPPARACEAE JUSS.) - A NEW RECORD FOR FLORA OF VIETNAM

SY DANH THUONG, TRAN THE BACH

SUMMARY

We have found that *Crateva formosensis* (Jacobs) B. S. Sun has also distributed in Vietnam, with specimens collected in Tra Linh district, Cao Bang province. The specimens are preserved in HN Herbarium, Institute of Ecology and Biological Resources. This species is closely related to *Crateva trifoliata* (Roxb.) B. S. Sun but differs in characters: size and apex of leaflet blade and number of stamens, hence, *Crateva formosensis* (Jacobs) B. S. Sun is a new record for the flora of Vietnam.

The main characters of *Crateva formosensis*: shrub or tree, 2-21m tall, with flowers before having leaves or when having young leaves. Twigs with flowers: leaflet blades ovate to obovate, 10-11.5 × 4-5 cm, dried leaves green-grey color to green-brown; twigs without flowers: leaflet blade 13-15 × 6 cm, apex acuminate to long acuminate. Inflorescences 10-15 flowered, pedicel 2.5-4 cm. Sepals 4, oblong. Petals yellow, claw 4 mm, blade elliptic. Stamens 10-15. Gynophore 2.4-3.2 cm. Ovary ovate. Fruits circular to oval, red to red-brown, smooth. Seeds small, brown.

Loc. class.: Formosa. *Holotypus:* E. H. Wilson 11114 (K).

Ecology and Biology: Flowering June - July, fruting August - January. In valley, near stream, dense forest and coastal region to 400 m alt..

Distribution: Cao Bang (Tra Linh). Also in China, Japan.

Studied specimens: Cao Bang (Tra Linh), W17463, VN 478 (HN).

Ngày nhận bài: 12-1-2011